

Số: 249 /QĐ-CDGTVTWTWI

Hà Nội, ngày 6 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BLĐTB&XH ngày 31/12/2007 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Giao thông vận tải Trung ương I;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-LĐTBXH ngày 18/5/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Giao thông vận tải Trung ương I thành Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I;

Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-BGTVT ngày 18/01/2008 của Bộ Giao thông vận tải về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Giao thông vận tải Trung ương I;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3749/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ GTVT về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho Trường Cao đẳng GTVT Trung ương I;

Xét đề nghị của Kế Toán trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của Trường Cao đẳng giao thông vận tải Trung ương I (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng TCHC, Trường Phòng Tài chính Kế toán và các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Cổng thông tin điện tử của Trường;
- Lưu :VT.



Dương Thế Anh

Đơn vị: Trường Cao đẳng GTVT Trung ương I

Chương: 021

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 249/QĐ- CĐTWTI ngày 06.../02/2018 của Trường Cao đẳng giao thông vận tải Trung ương I)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.405
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học (370-373)	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	24.105
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.894

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.211
-	Cải tạo, sửa chữa phòng học hàn	494
-	Mua sắm thiết bị dạy học nghề hàn	1.556
	Tổ chức huấn luyện đội tuyển HS, SV tham gia Hội thi tay nghề Quốc gia năm 2018	1.050
	Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho đối tượng là Bộ đội xuất ngũ học nghề	1.693
-	Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo ND 86/2015/ND-CP	4.418
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	300
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300
-	Chi đảm bảo an toàn giao thông: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn giao thông cho cán bộ, học sinh, sinh viên	300
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu (490-501)	
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
11.2	Chi Chương trình mục tiêu	
	Kinh phí CTMT GDNN-VL và ATLĐ	

Ngày 06 tháng 02 năm 2018



Đương Thế Anh